

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 TUẦN GIÁO

CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CLHĐGD

ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

a1. Cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Chuyên môn	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Hoàng Thanh Phương	HT	ĐHGDTH	2025	HT

a2. Giáo viên:

Họ và tên	Nhiệm vụ	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
Lò Thị Tranh	CN Lớp 1A1	1	1
Huỳnh Thị Hương	CN Lớp 1A2	1	1
Hoàng Thị Hằng	CN Lớp 3A	1	1
Tô Kim nhung	CN Lớp 4A1	1	1
Dương Thị Lan	CN Lớp 4A2	1	1
Nguyễn Thị Hoa Thắm	CN Lớp 5A1	1	1
Đỗ Thị Toàn	CN Lớp 5A2	1	1
Hoàng Thị Minh Phương	CN Lớp 2A2	1	1
Bùi Văn Ninh	CN Lớp 2A1	1	1
Nguyễn Thị Huế	Tin học	1	1
Nguyễn Thị Phương	Tiếng Anh	1	1
Nguyễn Quốc Dương	GDTC	1	1
Nguyễn Thị Liên	GV	1	1
Tổng cộng		13	13

a.3. Nhân viên:

STT	Bộ môn	Trình độ chuyên môn				Năm báo cáo	Năm trước liền kề
		Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng	Khác		
1	Thiết bị, thí nghiệm					0	0
2	Giáo vụ (CNTT)					0	0
3	Tư vấn học sinh					0	0
4	Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật					0	0
5	Thư viện				1	1	1
6	Quản trị công sở					0	0
7	Văn thư					0	0
8	Thủ quỹ					0	0
9	Kế toán					0	0

10	Y tế				1	1	1
11	Bảo vệ				1	1	1
12	Phục vụ				1	1	1
Tổng cộng					4	4	4

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

- Cán bộ quản lý: 1. Đạt chuẩn 1/1. Tỷ lệ: 100%.

- Giáo viên: 13. Đạt chuẩn 13/13. Tỷ lệ: 100%.

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định.

- Số lượng: 18.

- Tỷ lệ Hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định: 100% (18/18).

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định; - Diện tích khu đất xây dựng trường: 3020 m².

- Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh: $3202.4/222 = 14.43\text{m}^2/\text{HS}$.

- Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định: đạt $14.43\text{m}^2/\text{HS}$.

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có:

Stt	Khối lớp	Số lượng	Năm báo cáo	Năm trước liền kề
1	Khối lớp 1	50	50	40
2	Khối lớp 2	59	59	50
3	Khối lớp 3	12	12	10
4	Khối lớp 4	12	12	10
5	Khối lớp 5	55	55	50
Thiết bị dùng chung		188	188	160

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục

lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. **đ1.** Danh mục sách giáo khoa sử dụng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt:

e) đ1.1. Khối 1

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 1, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 1, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 1 (Cánh diều)
8	Mĩ thuật 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 1 (Cánh diều)
10	Giáo dục thể chất 1 (Cánh diều)

đ1.2. Khối 2

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 2, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 2, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

đ1.3. Khối 3:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
-----	--------------------

1	Tiếng việt 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 3, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 3, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 3 - Global Success - SHS tập 1
14	Tiếng anh 3- Global Success - SHS tập 2

d1.4. Khối 4:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 4, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 4, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 4 - Global Success
14	Khoa học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d1.4. Khối 5:

STT	TÊN SÁCH GIÁO KHOA
1	Tiếng việt 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
2	Tiếng việt 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
3	Toán 5, tập 1 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
4	Toán 5, tập 2 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
5	Tự nhiên xã hội 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
6	Đạo đức 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
7	Âm nhạc 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
8	Mĩ thuật 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
9	Hoạt động trải nghiệm 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
10	Giáo dục thể chất 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
11	Tin học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
12	Công nghệ 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
13	Tiếng anh 5 - Global Success
14	Khoa học 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)
15	Lịch sử và Địa lý 5 (Kết nối tri thức với cuộc sống)

d2. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu lựa chọn, sử dụng:

STT	Tên danh mục	KK 30/05/2025	Chất lượng	Kết quả KK	Chất lượng	Ghi chú
SÁCH THAM KHẢO						
1	Cẩm nang quản lí và lãnh đạo nhà trường phổ thông trong bối cảnh đổi mới GD	70%	75%	1	70%	
2	Tài liệu tập huấn đổi mới SHCM (dùng cho CBQL và GVTH)	70%	75%	2	70%	
3	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
4	Dạy học phát triển năng lực môn Toán (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
5	Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và địa lí (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
6	Dạy học phát triển năng lực môn Khoa học (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	

7	Dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và xã hội (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
8	Dạy học phát triển năng lực môn Đạo đức (Tiểu học)	70%	75%	2	70%	
9	Dạy và học tích cực - Một số phương pháp dạy và kĩ thuật DH	70%	75%	2	70%	
10	Thiết kế bài học phát triển năng lực HS tiểu học	70%	75%	2	70%	
1	Kĩ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong trường học	70%	75%	2	70%	
2	Cơ sở Toán học của môn Toán tiểu học	70%	75%	2	70%	
5	Đạo đức và phương pháp dạy học đạo đức ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
7	Chữ viết và dạy chữ viết ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
8	Chuyên đề bồi dưỡng HS giỏi Toán ở Tiểu học	70%	75%	2	70%	
9	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng Việt ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
10	Tổ chức GD ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học	70%	75%	2	70%	
11	Dạy học khoa học 4 hấp dẫn và lí thú	70%	75%	2	70%	
12	Dạy học khoa học 5 hấp dẫn và lí thú	70%	75%	2	70%	
13	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức năng nghề nghiệp GV tiểu học hạng 2	70%	75%	2	70%	
14	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức năng nghề nghiệp GV tiểu học hạng 3	70%	75%	2	70%	
15	Tài liệu bồi dưỡng theo chuẩn chức năng nghề nghiệp GV tiểu học hạng 4	70%	75%	2	70%	
16	Kỹ thuật dạy Tiếng Anh cho HS tiểu học (dành cho GV tiểu học ,SV ,CB giảng dạy)	70%	75%	2	70%	
17	Từ điển Anh - Việt 10000 từ thông dụng	70%	75%	2	70%	
18	Từ điển chính tả học sinh	70%	75%	2	70%	
19	Từ điển thành ngữ học sinh	70%	75%	2	70%	
20	Từ điển giải thích thành ngữ gốc Hán	70%	75%	2	70%	
21	Sổ tay kiến thức lịch sử ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
22	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
23	Sổ tay kiến thức Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
24	Sổ tay chính tả tiểu học	70%	75%	2	70%	
25	Sổ tay Tiếng Anh 3	70%	75%	2	70%	

26	Sổ tay Tiếng Anh 4	70%	75%	2	70%	
27	Sổ tay Tiếng Anh 5	70%	75%	2	70%	
28	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học lớp 4,5	70%	75%	2	70%	
29	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
30	Sổ tay kiến thức Tự nhiên và xã hội ở tiểu học	70%	75%	2	70%	
31	Sổ tay chính tả tiểu học	70%	75%	2	70%	
32	Sổ tay Tiếng Anh 3	70%	75%	2	70%	
33	Sổ tay Tiếng Anh 4	70%	75%	2	70%	
34	Sổ tay Tiếng Anh 5	70%	75%	2	70%	
35	Sổ tay kiến thức Toán ở tiểu học lớp 4,5	70%	75%	2	70%	

II. SÁCH DÀNH CHO HỌC SINH

1	100 Đề kiểm tra Toán 1	2	75%	2	70%	
2	Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi 1	2	75%	2	70%	
3	Toán phát triển trí thông minh 1	2	75%	2	70%	
4	150 bài văn hay 2	2	75%	2	70%	
5	100 Đề Kiểm tra Toán 2	2	75%	2	70%	
6	Phát triển và nâng cao Toán 2	2	75%	2	70%	
7	Phát triển và nâng cao Tiếng Việt 2/1	2	75%	2	70%	
8	Phát triển và nâng cao Tiếng Việt 2/2	2	75%	2	70%	
9	Tuyển chọn các bài Toán hay và khó 2	2	75%	2	70%	
10	Bồi dưỡng học sinh giỏi Văn - Tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
11	Bồi dưỡng Văn - Tiếng việt 2/1	2	75%	2	70%	
12	Bồi dưỡng Văn - Tiếng việt 2/2	2	75%	2	70%	
13	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 2	2	75%	2	70%	
14	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 2	2	75%	2	70%	
15	10 Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi văn - tiếng việt 2	2	75%	2	70%	
16	Đề học giỏi Toán 2	2	75%	2	70%	
17	Đề kiểm tra học kì Tiếng việt ,toán 2	2	75%	2	70%	
18	Em muốn thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 2	2	75%	2	70%	
19	Luyện tập Toán - Tiếng Việt -tiếng anh lớp 2	2	75%	2	70%	
20	500 bài Toán trắc nghiệm 2	2	75%	2	70%	
21	100 Đề kiểm tra Toán 3	2	75%	2	70%	
22	100 Đề kiểm tra Tiếng anh 3	2	75%	2	70%	

23	Nâng cao và phát triển Toán 3	2	75%	2	70%	
24	Nâng cao và phát triển Tiếng Việt 3/1	2	75%	2	70%	
25	Nâng cao và phát triển Tiếng Việt 3/2	2	75%	2	70%	
26	Toán phát triển trí thông minh 3	2	75%	2	70%	
27	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 3	2	75%	2	70%	
28	Đề học giỏi Toán 3	2	75%	2	70%	
29	Đề kiểm tra học kì Toán, Tiếng Việt 3	2	75%	2	70%	
30	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 3	2	75%	2	70%	
31	199 Bài và đoạn văn hay 3	2	75%	2	70%	
32	Em muốn trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 3	2	75%	2	70%	
33	Học tốt Tiếng anh 3	2	75%	2	70%	
34	Luyện tập Toán - Tiếng Việt -tiếng anh lớp 3(trong hè)	2	75%	2	70%	
35	Kể chuyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 3	2	75%	2	70%	
36	Đề thi và đáp án bồi dưỡng học sinh giỏi Toán lớp 3	2	75%	2	70%	
37	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 3	2	75%	2	70%	
38	100 Đề kiểm tra Toán 4	2	75%	2	70%	
39	100 Đề kiểm tra Tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
40	nâng cao và phát triển Toán 4	2	75%	2	70%	
41	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 4/1	2	75%	2	70%	
42	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 4/2	2	75%	2	70%	
43	Bộ đề kiểm tra Tiếng anh 4	2	75%	2	70%	
44	Tuyển tập các bài Toán hay và khó 4	2	75%	2	70%	
45	Đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt ,Toán 4/1	2	75%	2	70%	
46	Đề kiểm tra học kì môn Tiếng Việt ,Toán 4/2	2	75%	2	70%	
47	Giúp em học giỏi Toán 4	2	75%	2	70%	
48	199 Bài và đoạn văn hay lớp 4	2	75%	2	70%	
49	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 4	2	75%	2	70%	
50	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 4	2	75%	2	70%	
51	Tuyển chọn bài văn miêu tả 4	2	75%	2	70%	
52	Em muốn trở thành trạng nguyên nhỏ tuổi lớp 4	2	75%	2	70%	
53	Học tốt Tiếng anh lớp 4	2	75%	2	70%	

54	Luyện tập Toán - Tiếng việt - Tiếng anh lớp 4 (trong hè)	2	75%	2	70%	
55	Kể chuyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 4	2	75%	2	70%	
56	Đề thi và đáp án bồi dưỡng học sinh giỏi Toán lớp 4	2	75%	2	70%	
57	Toán nâng cao và bồi dưỡng học sinh giỏi 4	2	75%	2	70%	
58	Tuyển chọn các bài Toán đố 4	2	75%	2	70%	
59	Giúp em giỏi luyện từ & câu 4	2	75%	2	70%	
60	Kể truyện theo truyện đọc hàng tuần lớp 4	2	75%	2	70%	
61	100 Đề kiểm tra Toán 5	2	75%	2	70%	
62	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 5/1	2	75%	2	70%	
63	Nâng cao và phát triển Tiếng việt 5/2	2	75%	2	70%	
64	Bộ đề kiểm tra Tiếng anh 5	2	75%	2	70%	
65	Toán nâng cao và bồi dưỡng HS giỏi lớp 5	2	75%	2	70%	
66	Bồi dưỡng học sinh giỏi Văn - Tiếng việt 5	2	75%	2	70%	
67	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề số đo thời gian	2	75%	2	70%	
68	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề hình học	2	75%	2	70%	
69	Bồi dưỡng HS giỏi Toán 5 theo chuyên đề số tự nhiên	2	75%	2	70%	
70	Tuyển chọn những bài văn miêu tả 5	2	75%	2	70%	
71	Giúp em giải Toán 5	2	75%	2	70%	
72	Bồi dưỡng HS giỏi Tiếng anh lớp 5 theo chuyên đề	2	75%	2	70%	
73	Luyện giải bộ đề kiểm tra định kì Tiếng Anh 5	2	75%	2	70%	
74	Cảm thụ văn học dành cho HS lớp 5	2	75%	2	70%	
75	Tuyển chọn những bài văn kể chuyện 5	2	75%	2	70%	
76	Luyện tập Toán - Tiếng Việt - Tiếng Anh lớp 5 (trong hè)	2	75%	2	70%	
77	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học tập 1	2	75%	2	70%	
78	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán Tiểu học tập 2	2	75%	2	70%	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá; a1. Kết quả tự đánh giá: Đạt mức 1. a2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá:

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. b1. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

- Kết quả đánh giá ngoài: Cấp độ 1.

- Công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục: Cấp độ 1. b2. Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm. b2.1. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm:

b2.2. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm: Thực hiện hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài hằng năm.

b2.3. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm:

Thực hiện hoàn thành Kế hoạch cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp; Nhà trường không thực hiện.

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục; Nhà trường không thực hiện.

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

Nhà trường không thực hiện

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Hoàng Thanh Phương

Các Phụ lục của Báo cáo

1. Phụ lục 1 (Chiến lược phát triển nhà trường)

UBND XÃ TUẦN GIÁO
TRƯỜNG TH SỐ 2 TUẦN GIÁO
Số: 10/KH-THS2TG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tuần giáo, ngày 10 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH BỔ SUNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 4/9/2020 về việc Ban hành Điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 28/8/2018 quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt Chuẩn quốc gia;

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-ĐU, ngày 12/8/2025 Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã khóa I, nhiệm kỳ 2025-2030;

Trường Tiểu học số 2 Tuần giáo xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 -2030 cụ thể như sau:

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Bối cảnh ra đời

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025- 2030 nhằm xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Tập thể sư phạm nhà trường quyết tâm xây dựng nhà trường phát triển vững mạnh về mọi mặt, góp phần xây dựng ngành giáo dục tỉnh Điện Biên nói chung và của xã Tuần giáo nói riêng, giúp xã và địa phương phát triển theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

2. Chức năng, nhiệm vụ của nhà trường

Nhà trường thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của trường Tiểu học được quy định tại điều

3, Điều lệ trường Tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) cụ thể như sau:

2.1. Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2.2. Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

2.3. Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học.

2.4. Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường Tiểu học.

2.5. Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

2.6. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2.7. Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

2.8. Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

2.9. Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường Văn hoá - Giáo dục ở địa phương.

2.10. Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của Pháp luật.

2.11. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Pháp luật.

3. Quá trình hình thành và phát triển nhà trường

Trường Tiểu học số 2 Tuần giáo được tách ra từ trường Phổ thông cơ sở Tuần Giáo theo Quyết định số 203/QĐ-UB ngày 22/8/1991. Địa điểm tại Khố Đoàn Kết xã Tuần giáo với diện tích 3.203,4 m². Trường tiểu học số 2 Tuần giáo là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên.

Trải qua 34 năm xây dựng và trưởng thành trường Tiểu học số 2 Tuần giáo từng bước có sự phát triển cả về quy mô trường lớp và chất lượng giáo dục, trở thành một địa chỉ giáo dục có uy tín của xã Tuần giáo. Từ một ngôi trường ban đầu với điều kiện cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, đa số các phòng học và phòng làm việc là nhà tạm. Năm 2002 trường được Nhà nước đầu tư xây dựng một dãy nhà 2 tầng với 10 phòng học kiên cố, sân bê tông và công

trình vệ sinh cho GV và HS, phục vụ tương đối đủ cho hoạt động dạy và học của nhà trường. Thầy và trò đã nỗ lực phấn đấu vươn lên và đạt được danh hiệu trường Tiểu học đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1 vào năm 2006. Không dừng ở đó, nhà trường tiếp tục phấn đấu xây dựng cảnh quan môi trường, nâng cao chất lượng dạy và học. Đến tháng 9/2009 nhà trường được đầu tư xây dựng thêm 10 phòng chức năng, trang bị một số thiết bị hiện đại như: máy phô tô, máy chiếu, máy tính... Nhà trường luôn luôn phấn đấu duy trì bền vững các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và phấn đấu đạt các tiêu chí của trường chuẩn quốc gia mức độ 2. Đến tháng 9 năm 2011 nhà trường tiếp tục được xây dựng thêm 3 phòng học cho các môn học chuyên, đầu tư 130 bộ bàn ghế một chỗ ngồi, bổ sung thêm máy chiếu, máy tính... phục vụ cho công tác dạy và học. Đến nay cơ sở vật chất của nhà trường đã khang trang, sạch đẹp. Chất lượng dạy và học được nâng lên rõ rệt, tỷ lệ học sinh khá giỏi hàng năm đạt trên 70%. Giáo viên và học sinh tham gia hội thi các cấp đều đạt giải cao. Đến tháng 5 năm 2012 nhà trường được Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2, sở giáo dục và đào tạo công nhận chất lượng giáo dục đạt cấp độ 3 vào tháng 4 năm 2013. Đến năm 2018 được UBND tỉnh công nhận duy trì bền vững 5 tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2.

Trong những năm qua, trường Tiểu học số 2 Tuần giáo phấn đấu là trường có chất lượng và uy tín của xã nhà. Nhà trường đang từng bước phát triển bền vững và ngày càng trường thành, đã, đang và sẽ trở thành một ngôi trường có chất lượng giáo dục tốt, một địa chỉ đáng tin cậy của cha mẹ HS và học sinh.

4. Thành tích đạt được

Trong nhiều năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, của sở Giáo dục và Đào tạo, cùng với sự nỗ lực quyết tâm phấn đấu của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh qua các thế hệ, nhà trường đạt được các thành tích sau:

Từ năm 2006 đến năm 2020 nhà trường đều đạt danh hiệu Tập thể LĐTT -UBND huyện khen, Tập thể LĐXS -UBND tỉnh tặng bằng khen, trong đó:

Năm 2006: Trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I;

Năm 2007: UBND tỉnh tặng cờ thi đua Xuất sắc;

Năm 2012: UBND tỉnh tặng bằng khen; Trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II; Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng 3;

Năm 2013: Đạt chất lượng giáo dục cấp độ 3;

Năm 2014: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2015: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2016: UBND tỉnh công nhận tập thể LĐXS;

Năm 2017: UBND tỉnh tặng bằng khen;

Năm 2018: UBND tỉnh tặng bằng khen và công nhận duy trì bền vững 5 tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ II;

Năm 2019: Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen;

Năm 2020: Bộ giáo dục và Đào tạo tặng bằng khen.

Công tác phổ cập giáo dục luôn được nhà trường quan tâm, phối hợp 3 cấp học do đó thị trấn đã đạt chuẩn PCGDTH mức độ 3, XMC mức độ 2.

Chi bộ nhà trường liên tục đạt chi bộ “HTTNV trở nên” được các cấp tặng giấy khen nhiều năm liền. Chi bộ được Đảng bộ Huyện tặng giấy khen chi bộ có thành tích 5 năm liên tục (2011-2015; 2013-2017).

5. Nhu cầu phát triển của nhà trường đáp ứng nhiệm vụ được giao và hội nhập Quốc tế

Đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện về năng lực và phẩm chất người học, tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; Đào tạo đội ngũ có kiến thức chuyên sâu đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới; Đào tạo con người theo hướng có đạo đức, kỷ luật, kỷ cương, ý thức trách nhiệm công dân, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng học tập và làm việc nhằm đạt được các mục tiêu Giáo dục và Đào tạo đề ra.

6. Tình hình kinh tế-xã hội của địa phương

Tình hình chính trị, trật tự, an toàn xã hội, kinh tế - văn hoá xã hội của địa phương ổn định, từng bước phát triển theo chiều hướng tích cực. Đời sống của nhân dân ngày được cải thiện, công tác xoá đói giảm nghèo được các cấp quan tâm đúng mức. Nhận thức về vai trò của giáo dục của cộng đồng dân cư ngày càng tiến bộ, mọi gia đình đều quan tâm tới việc học tập của con em.

II. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG KẾT QUẢ GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Những ưu điểm

1.1 Tổ chức và quản lý nhà trường.

- Nhà trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường đã điều hành mọi hoạt động đi đúng hướng. Xây dựng được môi trường trường học nền nếp, kỉ cương, chất lượng. Ban giám hiệu, các hội đồng, các tổ chuyên môn được cơ cấu đầy đủ về số lượng, đảm bảo năng lực, có kinh nghiệm quản lý giáo dục, trình độ đào tạo đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ quản lý. Cán bộ quản lý luôn đoàn kết, nhất trí, có uy tín với tập thể giáo viên, nhân viên; tạo được lòng tin với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân.

- Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý bằng kế hoạch, đảm bảo tính pháp lý. Nhà trường có kế hoạch hoạt động chung, hoạt động tổ khối theo tuần, tháng, kì và cả năm học đảm bảo tính khoa học và phù hợp với thực tế.

- Công tác tổ chức triển khai, kiểm tra, đánh giá sâu sát, thực chất và đổi mới. Khi thực hiện luôn chủ động điều chỉnh kế hoạch kịp thời sát với thực tế

1.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

- Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý gồm 01 đồng chí: 01 Hiệu trưởng, thiếu phó hiệu trưởng, có trình độ chuyên môn đạt chuẩn, có năng lực lãnh đạo điều hành, biết phát huy dân chủ cơ sở để tổ chức các hoạt động của nhà trường một cách đồng bộ hiệu quả, được sự tin nhiệm của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn về trình độ, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện và có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác; GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy, được HS tin yêu, phụ huynh tin nhiệm.

- Nhà trường có đủ số lượng nhân viên theo quy định gồm y tế, thư viện, bảo vệ, phục vụ; nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần thúc đẩy các hoạt động khác trong nhà trường.

1.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.

- Nhà trường được xây dựng 1 dãy nhà 2 tầng gồm 10 phòng học, 02 phòng chờ dành cho GV; 1 dãy nhà cấp 4 gồm 3 phòng; Nhà trường đã sử dụng làm 9 phòng học, 3 phòng hỗ trợ học tập; 01 phòng chờ dành cho GV, 01 phòng thiết bị. Dãy nhà hành chính gồm 10 phòng bao gồm: Phòng Hiệu trưởng, phòng PHT, phòng hội đồng, phòng truyền thống, phòng thư viện, phòng đọc, phòng đội, phòng y tế, phòng kế toán, phòng tin học. Các phòng đều được xây dựng kiên cố, đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh, có hệ thống quạt, ánh sáng, trang thiết bị dạy học theo qui định. Ngoài ra có đủ công trình vệ sinh cho GV, HS (nam, nữ riêng); 01 công trình nước sạch.

- Nhà trường được trang bị đầy đủ thiết bị đồ dùng dạy học qui định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT đảm bảo 01 bộ thiết bị tối thiểu/01 lớp. Ngoài ra còn có nhiều phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại như: máy tính, máy chiếu, tivi, máy photocopy và nhiều thiết bị khác phục vụ tốt cho công tác dạy học và các hoạt động giáo dục của trường.

1.4. Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

- Nhà trường đã tích cực, chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện kế hoạch.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền, huy động các nguồn lực giúp nhà trường hoạt động có hiệu quả.

1.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục:

- Chất lượng dạy học được duy trì và ngày một nâng cao. Tỷ lệ học sinh HTCT lớp học, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học, học sinh được khen thưởng năm sau cao hơn năm trước.

- Môi trường giáo dục ngày tốt hơn, trường lớp khang trang, sạch đẹp, nền nếp, kỷ cương của nhà trường được giữ vững và phát huy, các hoạt động ngoại khóa được tổ chức đều đặn và ngày càng phong phú.

- Kết quả năm học 2024-2025:

+ Học sinh hoàn thành chương trình lớp học: 177/177 đạt 100% (02 HSKT)

+ Học sinh hoàn thành chương trình cấp tiểu học: 56/56, đạt 100%

Trong đó: HTXS: 74/233, đạt 31,8%; HTT: 76/233, đạt 32,6%; HT: 83/233, đạt 35,6%; CHT: 0

+ Học sinh được khen thưởng: 150/233, đạt: 64,4%.

+ Lớp TTXS: 9/9, đạt 100%; CNBH : 223/233, đạt 95,7%

2. Những hạn chế, yếu kém

2.1. Tổ chức và quản lý nhà trường: Công tác kiểm tra chuyên môn đối với môn Tiếng anh còn gặp khó khăn. Đánh giá chất lượng chuyên môn của giáo viên vẫn còn mang tính động viên.

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Ban giám hiệu khuyết phó hiệu trưởng ảnh hưởng đến công tác quản lý và tiến độ công việc.

Năng lực Ngoại ngữ và Tin học của đội ngũ còn hạn chế, chưa đáp ứng tốt yêu cầu quản lý và giáo dục trong thời kỳ hiện nay; ý thức trách nhiệm với trường lớp của một số ít giáo viên đôi lúc chưa đồng bộ; một số ít giáo viên chậm đổi mới phương pháp giảng dạy.

2.3. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học: Phòng học và một số công trình đã xuống cấp; sân chơi, bãi tập hẹp chung diện tích.

2.4. Tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục: Đôi lúc tham mưu, phối hợp chưa kịp thời.

2.5. Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục: Chất lượng học sinh năng khiếu, học sinh đạt giải trong các hội thi các cấp chưa bền vững.

3. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

- Trình độ Ngoại ngữ còn hạn chế;
- Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên chưa đồng đều;
- Cơ sở vật chất được đầu tư khá lâu đã bị xuống cấp;
- Tổ chức hoạt động các câu lạc bộ đôi lúc chưa thường xuyên.

4. Các vấn đề cần giải quyết trong giai đoạn 2025 - 2030

- Đổi mới lãnh đạo và quản lý nhà trường do yêu cầu phải phát triển giáo dục để đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong thời kì hội nhập và cơ chế thị trường của đất nước và thế giới. Trọng tâm của giai đoạn này là tiếp tục bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL nhà trường, nhất là tăng cường năng lực đổi mới về tư duy, phương thức và cơ chế QLGD, năng lực ngoại ngữ và tin học để quản lý toàn diện các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

- Chủ động tuyển chọn và xây dựng đội ngũ đủ về số lượng; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, nhân viên đáp ứng yêu cầu giảng dạy, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện học sinh; Đẩy mạnh các hoạt động phong trào thi đua trong CBGV, NV và học sinh thiết thực, hiệu quả.

- Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Tích cực đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá học sinh theo hướng phát huy tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh. Đẩy mạnh việc “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, và cuộc vận động, các phong trào thi đua.

- Tăng cường giáo dục rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh, tổ chức nhiều hoạt động dạy học, giáo dục và giao lưu để các em có khả năng thích ứng với môi trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường.

- Huy động các nguồn lực trong xã hội phát triển nhà trường, vì đây là yếu tố khách quan quyết định thành công của nhà trường. Trọng tâm của giai đoạn này là ngoài việc đẩy mạnh các biện pháp huy động nhân lực, vật lực, tài lực... bên trong còn phải có biện pháp tăng cường việc huy động các nguồn lực phong phú từ bên ngoài nhà trường để tạo điều kiện đảm bảo cho nhà trường phát triển ổn định và bền vững.

III. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

1. Tầm nhìn

Phấn đấu đến năm 2025, trường Tiểu học số 2 Tuần giáo phấn đấu trường có cơ sở vật chất khang trang, đội ngũ cán bộ giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, có năng lực chuyên môn tốt, thân thiện với học sinh và nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 để mỗi học sinh có cơ hội phát triển tài năng, có khả năng thích ứng mạnh mẽ để trở thành những công dân tốt, có thể chất khỏe mạnh, tâm hồn trong sáng phù hợp với xu thế phát triển của xã hội;

Định hướng đến năm 2030, nhà trường tiếp tục phấn đấu nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2; Là một trong những ngôi trường mà học sinh sẽ lựa chọn để học tập và rèn luyện, nơi giáo viên và học sinh luôn có khát vọng vươn cao.

2. Sứ mệnh

Xây dựng chiến lược phát triển trường Tiểu học số 2 Tuần giáo nhằm tạo dựng được môi trường học tập nền nếp, kỷ cương và có chất lượng cao. Giáo dục học sinh tính năng động, sáng tạo, tự chủ, sống biết chia sẻ, có trách nhiệm và hòa nhập tốt trong cộng đồng, có khả năng giải quyết vấn đề, vượt qua rào cản tâm lý để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển tài năng và tư duy sáng tạo. Học sinh biết ứng dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong cuộc sống.

3. Giá trị cốt lõi

Nhà trường luôn đổi mới chính mình, đẩy mạnh, nâng cao năng lực chuyên môn, tăng cường tuyên truyền, giáo dục tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, đoàn kết, hợp tác, sáng tạo để giáo dục học sinh và cùng học sinh trở thành những con người mới với phương châm:

“Giáo viên: Tinh thần, trách nhiệm, Sáng tạo đổi mới

Học sinh: Tự giáo dục, hợp tác, chia sẻ

Nhà trường: Kỷ cương, nền nếp, hội nhập”.

IV. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu dài hạn

Đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

1.1 Phát triển trường chất lượng cao: Nhà trường xác định mục tiêu nâng mức độ đạt chuẩn Quốc gia mức độ II.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

1.2. Trình độ chuyên môn cán bộ quản lý, giáo viên.

- 100% Cán bộ giáo viên có trình độ đại học, có năng lực thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới.

- Năng lực chuyên môn của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đánh giá khá, giỏi 90,0% trở lên.

- 100% giáo viên sử dụng thành thạo máy tính phục vụ cho giảng dạy và học tập.

- 100% số tiết dạy sử dụng, ứng dụng công nghệ thông tin.

1.3. Chất lượng học sinh.

- * Quy mô trường, lớp (có phụ lục kèm theo).

- * Chất lượng giáo dục:

- Về học tập: 99,5% đến 100% số HS được đánh giá Hoàn thành và hoàn thành Tốt nội dung các môn học và các hoạt động giáo dục.

- Về Năng lực: 99,5% đến 100% HS được đánh giá ở mức Đạt và Tốt, trong đó HS được đánh giá mức Tốt: 50,0% trở nên.

- Về Phẩm chất: 100% HS được đánh giá ở mức Đạt và Tốt, trong đó HS được đánh giá mức Tốt: 80,0% trở nên.

- 99,5% đến 100% HS hoàn thành chương trình lớp học.

- 100% học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học.

- 20,0% trở nên học sinh tham gia giao lưu các câu lạc bộ đạt giải.

- 100% Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, tích cực tự nguyện tham gia các hoạt động trong nhà trường và nơi sinh sống.

1.4. Thư viện và thiết bị dạy học.

- Quản lý và sử dụng hiệu quả thiết bị sẵn có, đảm bảo phục vụ tốt hoạt động giảng dạy và giáo dục tại nhà trường.

- Tăng cường cải tạo thư viện, bổ sung thiết bị, công nghệ theo hướng hiện đại hóa. Duy trì và xây dựng thư viện tiên tiến.

1.5. Cơ sở vật chất trường lớp học.

- Tham mưu tích cực với các cấp lãnh đạo bổ sung kinh phí nâng cấp các phòng học, các công trình phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn theo hướng hiện đại.

- 100% phòng học có đủ bàn ghế đạt chuẩn. 100% các phòng học được trang bị các thiết bị dạy học hiện đại.

- Tích cực Xây dựng môi trường sư phạm “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”.

2. Mục tiêu ngắn hạn

2.1. Năm học 2025-2026, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Phần đầu nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, trở thành một trong những trường chất lượng cao, uy tín.

- Phần đầu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.2. Năm học 2026-2027, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định.

- Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

- Phần đầu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.3. Năm học 2027-2028

- Chất lượng giáo dục tiếp tục được khẳng định.

- Thương hiệu nhà trường được nâng cao.

- Phần đầu trường đạt Tập thể LĐXS - UBND tỉnh tặng bằng khen.

2.4. Năm học 2028-2029, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tiếp tục Nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2,

trở thành một trong những trường chất lượng cao, giữ thương hiệu về chất lượng của xã Tuần Giáo.

- Phần đầu trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc - Nhà nước tặng Huân Chương lao động hạng nhì.

2.5. Năm học 2029-2030, nhà trường phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Tiếp tục Nâng cao các tiêu chuẩn trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2, trở thành một trong những trường chất lượng cao, giữ thương hiệu về chất lượng của huyện Tuần Giáo.

- Tiếp tục phấn đấu giữ vững trường đạt Tập thể Lao động Xuất sắc - Nhà nước tặng Huân Chương lao động hạng nhì.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác tổ chức và quản lý nhà trường

- Quy hoạch cán bộ quản lý nhà trường giai đoạn theo quy định. Tạo điều kiện để cán bộ quản lý thuộc diện quy hoạch tham gia học tập về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị đạt chuẩn theo quy định.

- Xây dựng tổ chức bộ máy nhà trường có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có tinh thần tập thể, ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần đoàn kết cao, gương mẫu, tận tụy với nghề. Luôn nêu cao ý thức tự học, tự rèn không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, nền nếp làm việc khoa học, lối sống lành mạnh, ứng xử giao tiếp văn hóa được giáo viên, học sinh và phụ huynh tin tưởng.

- Chỉ đạo các bộ phận xây dựng đầy đủ các loại hồ sơ theo quy định đảm bảo tính khoa học, có chất lượng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện và lưu trữ.

- Quản lý chuyên môn đúng theo quy chế, đảm bảo nguyên tắc, phù hợp với thực tế nhà trường, luôn có tính sáng tạo, khoa học, có hiệu quả.

- Quản lý tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học minh bạch, công khai, dân chủ, hợp lý, tiết kiệm, đúng mục đích, đạt hiệu quả cao.

- Xây dựng và thực hiện tốt Quy chế dân chủ, quy định rõ trách nhiệm của từng thành viên trong nhà trường, giữ gìn mối đoàn kết nội bộ. Chấn chỉnh kỷ cương, kỷ luật lao động, đảm bảo nền nếp làm việc, học tập, hội họp khoa học.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, xây dựng truyền thống nhà trường, nêu cao tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên đối với quá trình xây dựng thương hiệu của nhà trường. Sử dụng trang web của nhà trường hiệu quả giúp cho việc tuyên truyền các kế hoạch, kết quả công việc của nhà trường công khai để mọi người biết đến và nhận được ý kiến phản hồi, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược.

2. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đủ về số lượng; có bản lĩnh về phẩm chất chính trị; có năng lực chuyên môn giỏi; có trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản tiếp cận tốt trong từng lĩnh vực, có phong cách sư phạm mẫu mực, đoàn kết, tâm huyết với nghề, hợp tác, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.

- Tăng cường công tác tham mưu đảm bảo đủ định mức biên chế GV theo quy định, thực hiện công tác bồi dưỡng gắn với tự bồi dưỡng của từng CBGV, NV một cách hiệu quả. Ưu tiên việc đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ Tin học, Ngoại ngữ cho CBGV, NV.

- GV chủ động vận dụng các PPDH một cách linh hoạt theo hướng tích cực hoá hoạt động của HS. Sử dụng bài giảng điện tử, ứng dụng CNTT trong dạy học một cách hợp lý và hiệu quả. Đầu tư thời gian, động viên, khích lệ, khen thưởng kịp thời giáo viên cả về vật chất và tinh thần để GV tham gia dự thi các hội thi chuyên môn, nghiệp vụ có hiệu quả.

- Các tổ chuyên môn thực hiện thường xuyên việc dự giờ, trao đổi, thảo luận, rút kinh nghiệm cho các thành viên.

- Sử dụng thường xuyên, có hiệu quả đồ dùng thiết bị dạy học, tạo thói quen sử dụng ĐDDH trong GV, từ đó có kinh nghiệm trong dạy học và nâng cao hiệu quả tiết dạy.

- Thực hiện đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp, đánh giá viên chức hàng năm một cách khách quan, dân chủ, chính xác; xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và quy hoạch một khoa học có tầm nhìn dài hạn.

- Tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có nhu cầu tiếp tục học nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Quan tâm việc xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn và kết nạp đảng viên mới.

3. Đầu tư cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

- Xây dựng CSVC nhà trường theo hướng hiện đại, phục vụ nhu cầu giảng dạy, làm việc của cán bộ giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường.

- Tham mưu với các cấp đầu tư kinh phí nâng cấp các phòng học và các hạng mục công trình đã xuống cấp. Đầu tư kinh phí để mua sắm thêm một số trang thiết bị dạy học đã hỏng hoặc còn thiếu.

- Trồng, chăm sóc các bồn hoa, cây cảnh tạo cảnh quan đẹp cho nhà trường.

- Khuyến khích CBQL, giáo viên, nhân viên sử dụng và nâng cao hiệu quả của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, giảng dạy, nghiệp vụ.

4. Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ giáo dục

- Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương đề xuất những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện kế hoạch chiến lược. Đề nghị cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể, tổ chức ở địa phương cho chủ trương huy động các nguồn lực, sự tham gia của các cá nhân và cộng đồng vào các hoạt động giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị và tạo điều kiện nâng cao hiệu quả giáo dục của nhà trường.

- Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện cha mẹ học sinh để tuyên truyền, huy động các nguồn lực giúp nhà trường hoạt động có hiệu quả.

- Đảm bảo mối quan hệ và thông tin giữa Nhà trường, Gia đình và Xã hội được duy trì thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh, phòng ngừa, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường.

5. Nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

- Tăng cường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo chương trình, kế hoạch giáo dục, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục. Tổ chức giảng dạy đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo chuẩn kiến thức và kỹ năng của chương trình; xây dựng kế hoạch và các biện pháp chuyên môn gắn với yêu cầu thực hiện hiệu quả các cuộc vận động lớn của Đảng, của Nhà nước và của ngành.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng đào tạo, làm tốt công tác bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo HS chưa hoàn thành nhiệm vụ học tập.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học. Học sinh phải hiểu bài, biết tổng hợp kiến thức và có thể biểu đạt chính kiến của bản thân khi làm bài.

- Tích cực đổi mới nội dung phương pháp giáo dục, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đổi mới phương pháp dạy và học, xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Lãnh đạo và tổ chức việc đổi mới PPDH đổi mới PPDH, thực hiện tốt nội dung chương trình GDPT theo hướng tích cực hóa hoạt động của HS, dạy học theo hướng cá thể hóa từng đối tượng HS, HS tự giáo dục, tự ánh giá và hợp tác.

- Tổ chức tốt các hoạt động ngoài giờ lên lớp, xây dựng văn hóa hợp tác trong nhà trường để tạo động lực đẩy mạnh đổi mới.

VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thu chi tài chính theo luật ngân sách và quy chế chi tiêu nội bộ, công khai theo quy định. Xây dựng cơ chế tài chính theo hướng tự chủ hoạch toán và minh bạch các nguồn thu, chi. Việc huy động và sử dụng các nguồn vốn đảm bảo minh bạch và công khai; các thành phần nhân sự của trường tham gia lập kế hoạch tài chính; phân bổ những hạng mục ưu tiên; tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ về tài chính; nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tài chính.

- Dự toán kinh phí hàng năm:

Năm 2026: 3.516.000.000 đồng

Năm 2027: 3.570.000.000 đồng

Năm 2028: 3.610.000.000 đồng

Năm 2029: 3.60.000.000 đồng

Năm 2030: 3.710.000.000 đồng

2. Kinh phí từ xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác

- Ngoài ngân sách nhà nước, nhà trường huy động các nguồn lực của xã hội, cá nhân tham gia vào phát triển nhà trường, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn huy động về tài chính.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phổ biến kế hoạch chiến lược nhà trường

- Kế hoạch chiến lược được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CBGV, NV nhà trường, cơ quan chủ quản, cha mẹ HS, HS, các tổ chức đoàn thể, nhân dân...

- Niêm yết công khai kế hoạch và đăng tải trên Website của nhà trường.

2. Trách nhiệm thực hiện

2.1. Hội đồng trường.

- Chịu trách nhiệm Quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường theo từng năm học, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện Kế hoạch chiến lược, mục tiêu giáo dục.

2.2. Ban giám hiệu nhà trường.

- Xây dựng kế hoạch chiến lược của nhà trường theo lộ trình chung và theo từng giai đoạn.

- Tham mưu Đảng ủy xã đưa các chỉ tiêu giáo dục đã được hội đồng trường thông qua vào Nghị quyết Đảng bộ xã giai đoạn 2025-2030.

- Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch chiến lược tới từng cán bộ giáo viên, nhân viên, PHHS, học sinh. Có kế hoạch phối hợp, vận động, tuyên truyền tới các tổ chức, đoàn thể và nhân dân. Thành lập Ban chỉ đạo, Ban Kiểm tra và đánh giá thực hiện kế hoạch trong từng năm học.

- Cụ thể hóa chiến lược phát triển nhà trường trong kế hoạch theo từng năm học và chỉ đạo thực hiện.

2.3. Các tổ chuyên môn, đoàn thể, đội ngũ GV, nhân viên trong trường.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức xây dựng kế hoạch, chương trình hành động sát với yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong kế hoạch. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch và đánh giá việc thực hiện kế hoạch của các thành viên. Tìm hiểu nguyên nhân, đề xuất các giải pháp phù hợp nâng cao hiệu quả công việc.

- Đội ngũ căn cứ kế hoạch chiến lược, kế hoạch năm học của nhà trường để xây dựng KH công tác của cá nhân theo từng năm học. Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch theo

từng học kỳ, năm học. Đề xuất các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Không ngừng học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Phát huy tinh thần vượt khó vươn lên, luôn có khát vọng được đóng góp sức mình vào sự phát triển của nhà trường.

2.4. Học sinh.

- Thực hiện nghiêm nền nếp, kỷ cương; thực hiện tốt công tác tuần, tháng, từng kỳ và cả năm học dưới sự hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm và tổ chức Liên đội TNTPHCM nhà trường.

- Tích cực hoạt động tự quản, hoạt động tập thể, hoạt động xã hội. Tham gia các hoạt động học tập và rèn luyện kỹ năng sống.

2.5. Ban đại diện cha mẹ học sinh và phụ huynh học sinh.

- Phối hợp với nhà trường phổ biến, triển khai chiến lược trong các phiên họp cha mẹ học sinh. Đề xuất các giải pháp, phối hợp và hỗ trợ nhà trường thực hiện tốt kế hoạch, phối hợp giáo dục, bồi dưỡng cho học sinh các giá trị cơ bản trong hệ thống các giá trị trong kế hoạch đã xây dựng.

- Luôn có những ý kiến tham mưu, đóng góp, giúp đỡ và ủng hộ nhà trường về mọi mặt. Cùng nhà trường hoàn thành các mục tiêu chủ yếu của chiến lược.

VIII. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Với sở GD&ĐT

- Thường xuyên quan tâm theo dõi chỉ đạo, hỗ trợ nhà trường hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ theo mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

- Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBQL và giáo viên.

2. Với UBND xã

- Quan tâm và điều động đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo đủ số lượng và cơ cấu cho nhà trường.

- Hỗ trợ kinh phí nâng cấp phòng học và các hạng mục công trình đã xuống cấp đảm bảo các tiêu chuẩn của trường đạt chuẩn Quốc gia.

